TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 214/2021/HS-PT
Ngày: 18-5-2021.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phùng Hải Hiệp;

Các Thẩm phán: Bà Lê Thị Thúy Bình;

Ông Vũ Minh Tuấn.

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Vũ Thị Nguyệt, Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội

Đại diện Viện kiểm sát nhân cấp cao tại Hà Nội tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Quang Hưng, Kiểm sát viên cao cấp.

Ngày 18 tháng 5 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ninh, Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ L số 1084/2020/TLPT-HS ngày 01 tháng 12 năm 2020 đối với bị cáo Trần Quỳnh Tr phạm tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" do có kháng cáo của bị cáo, bị hại đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 129/2020/HSST ngày 08 tháng 10 năm 2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ninh.

** Bị cáo có kháng cáo, bị kháng cáo:*

Trần Quỳnh Tr; tên gọi khác: không; sinh ngày 15/11/1991 tại thị xã Đ, tỉnh Quảng Ninh; Nơi cư trú: khu 1, phường Đ, thị xã Đ, tỉnh Quảng Ninh; nghề nghiệp: lao động tự do; trình độ văn hóa: lớp 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ, tôn giáo: không; quốc tịch Việt Nam; con ông Trần Văn Kh, sinh năm 1950 và bà Phạm Thị Đ, sinh năm 1952; có chồng là Nguyễn V(đã ly hôn ngày 25/11/2019) và có 04 con, con lớn nhất sinh năm 2010, con nhỏ nhất sinh năm 2018; tiền án, tiền sự: không. Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn "Cấm đi khỏi nơi cư trú", hiện tại ngoại, có mặt tại phiên tòa.

Người bào chữa cho bị cáo: Ông Đào Bá Yên - Luật sư Văn phòng Luật sư Ánh Anh thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Quảng Ninh. Có mặt.

** Bị hại có kháng cáo:*

Bà Nguyễn Thị L (tên gọi khác là Nguyễn Thanh Huyền), sinh năm 1974; trú tại: khu 1, phường Đ, thị xã Đ, tỉnh Quảng Ninh. Có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị hại: Ông Nguyễn Văn

Thành - Luật sư Công ty Luật TNHH Huy Thành thuộc Đoàn luật sư Thành phố Hà Nội. Có mặt.

**Người làm chứng:*

- Bà Đỗ Thị H; địa chỉ: khu 1, phường Đ, thị xã Đ, tỉnh Quảng Ninh. Vắng mặt.

- Bà Nguyễn Thị HA; địa chỉ: khu 2, phường MK, thị xã Đ, Quảng Ninh. Vắng mặt.

- Anh Nguyễn Văn T; địa chỉ: khu 1, phường Đ, thị xã Đ, Quảng Ninh. Có mặt.

- Ông Nguyễn Quang Ng; địa chỉ: khu 1, phường Đ, thị xã Đ, Quảng Ninh. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo tài liệu có trong hồ sơ và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trần Quỳnh Tr và bà Nguyễn Thị L (tên gọi khác là Nguyễn Thanh Huyền), sinh năm 1974, trú tại: Khu 1, phường Đ, thị xã Đ, tỉnh Quảng Ninh có quan hệ hàng xóm. Do cần tiền để trả nợ, nên cuối năm 2018 Tr đã hỏi vay tiền bà L, nhưng bà L không đồng ý và yêu cầu phải có sự đồng ý của gia đình Tr thì mới cho vay tiền. Vì trước đây bà Đỗ Thị H (mẹ chồng của Tr, đang sinh sống tại Hà Lan) nhờ Tr lập nick Facebook nên Tr biết mật khẩu Facebook của bà H. Tr đã nảy sinh ý định giả làm bà H nhắn tin qua ứng dụng Messenger Facebook từ nick của bà H cho bà L để lừa bà L là bà H đang cần vay tiền và ủy quyền cho Tr đến nhận tiền, Tr sẽ chiếm đoạt các khoản tiền do bà L đưa rồi đem đi trả nợ.

Về phía bà L, do tin tưởng người vay tiền là bà H và người được bà H ủy quyền nhận tiền là Tr, nên từ ngày 05/12/2018 đến ngày 15/01/2019, bà L đã 03 lần đưa tiền cho Tr, cụ thể:

Lần thứ nhất: Vào ngày 05/12/2018, Tr đã sử dụng tài khoản Facebook "H Do" (tài khoản Facebook của bà H) giả làm bà H gửi 02 đoạn tin nhắn âm thanh vào tài khoản Facebook của bà L để hỏi vay tiền bà L. Tr lấy 01 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên Nguyễn Thị Thành (đã chuyển nhượng cho anh Nguyễn Văn T là chồng Tr từ ngày 07/01/2016) thế chấp cho bà L để nhận 400.000.000 đồng. Sau khi nhận tiền Tr đã viết 01 Giấy biên nhận vay tiền với nội dung: Tr cùng T (chồng Tr) nhận vay tiền của bà Nguyễn Thanh Huyền (L) 400.000.000 đồng, mục đích để kinh doanh, có thế chấp sổ đỏ mang tên chồng là Nguyễn Văn T, được sự thỏa thuận đồng ý của bà Đỗ Thị H (mẹ chồng), thời hạn vay là 02 tháng, lãi suất 2000 đồng/1 triệu đồng/1 ngày. Bên trái Giấy biên nhận vay tiền có chữ "chồng", nhưng không có chữ ký của anh T, bên dưới giấy này có ghi rõ là Tr đã trả cho bà Huyền 24.000.000 đồng/1 tháng lãi.

Lần thứ hai: Đến ngày 21/12/2018, Tr tiếp tục sử dụng tài khoản

Facebook của bà H, giả là bà H nhắn tin cho bà L nói là có sổ tiết kiệm 02 tỷ đồng đứng tên bà H, đặt vấn đề ủy quyền cho Tr sẽ cầm sổ tiết kiệm của bà H sang cho bà L để cầm cố vay thêm tiền, khi nào bà H về nước thì trả hết. Để bà L tin tưởng thêm, Tr nhờ bà Nguyễn Thị Dần (sinh năm 1974, trú tại: Khu 2, thị xã Đ, tỉnh Quảng Ninh) nói vào điện thoại theo hướng dẫn của Tr để Tr ghi âm với nội dung là "*Cô cứ cho chị vay đi, gần về chị trả em luôn*" để Tr giả là bà H. Sau đó, Tr gửi đoạn ghi âm trên cho bà L qua ứng dụng Messenger Facebook. Sau khi bà L nhận được tin nhắn vẫn nghĩ là bà H hỏi vay tiền nên đã đồng ý và nhắn tin lại, hẹn 5 giờ chiều cùng ngày Tr sang nhận tiền. Sau đó, Tr sang nhà bà L nhận 700.000.000 đồng và viết Giấy biên nhận vay tiền (lần 2) với nội dung: Tr được sự ủy quyền của bà H thế chấp 01 sổ tiết kiệm mang tên bà Đỗ Thị H số sổ AA 0540123, sổ có số dư 02 tỷ đồng cho bà Huyền (L) để vay 700.000.000 đồng, thời hạn vay là 01 tháng, lãi suất 2000 đồng/1 triệu đồng/1 ngày, mục đích vay là để giải quyết công việc. Tr đã trả bà L tiền lãi 01 tháng là 42.000.000 đồng.

Lần thứ ba: Vào ngày 15/01/2019, Tr tiếp tục sử dụng tài khoản Facebook "H Do" để nhắn tin cho bà L để hỏi vay 350.000.000 đồng. Do bà L tin tưởng nghĩ vẫn là bà H hỏi vay như lần trước, hơn nữa bà L đã cầm sổ tiết kiệm của bà H có số dư hơn 02 tỷ đồng, nên đã đồng ý. Lần nhận tiền này Tr cũng viết 01 Giấy biên nhận vay tiền (lần 3) với nội dung: Tr được sự ủy quyền của mẹ chồng là bà H đã thế chấp cho bà Huyền (L) 01 sổ tiết kiệm mang tên Đỗ Thị H, để vay của bà Huyền (L) số tiền 350.000.000 đồng, thời hạn vay là 01 tháng, mục đích vay để giải quyết công việc.

Ngoài ra, trước khi sang nhà bà L nhận tiền, Tr còn dùng tài khoản Facebook của Tr là "Trân Tràng" gửi tin nhắn qua ứng dụng Messenger vào tài khoản Facebook của bà L những hình ảnh chụp lại nội dung tin nhắn Messenger từ tài khoản Facebook "H Do" nhắn tin cho tài khoản Facebook "Trần Tràng" của Tr, những hình ảnh có nội dung bà H bảo Tr sang nhà bà L lấy tiền.

Đến ngày 26/01/2019, bà H về Việt Nam, bà L sang nhà đòi tiền thì bà H bảo không vay tiền của bà L và không biết nội dung tin nhắn trên Messenger Facebook từ tài khoản Facebook "H do" vào tài khoản Facebook của bà L, bà H không ủy quyền cho Tr vay tiền của bà L.

Quá trình điều tra, bà L đã giao nộp tài liệu gồm:

+ 02 tờ giấy biên nhận vay tiền (01 giấy đề ngày 05/12/2018 và mặt sau là đề ngày 21/12/2018; 01 giấy biên nhận lần 3 đề ngày 15/01/2019).

+ 01 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên Nguyễn Thị Thành, 01 thẻ tiết kiệm mang tên Đỗ Thị H số AA 0540123.

Tại Kết luận giám định số 77 ngày 05/7/2019, Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Quảng Ninh kết luận: Chữ ký, chữ viết trong 02 giấy Biên nhận vay tiền (các ngày 05/12/2018, 21/12/2018 và 15/01/2019) đã thu giữ và chữ ký, chữ viết mẫu của Trần Quỳnh Tr cùng do một người viết và ký ra.

Bà L còn nộp cho Cơ quan điều tra:

+ Các hình ảnh nội dung nhắn tin giữa tài khoản Facebook "H Do" với tài khoản Facebook của bà L và hình ảnh nội dung cuộc nói chuyện giữa tài khoản Facebook "Trân Tràng" của Tr với tài khoản Facebook của bà L.

+ 04 đoạn file âm thanh do tài khoản Facebook "H Do" gửi cho tài khoản Facebook của bà L, trong đó:

Đoạn 1, 2 gửi ngày 04/12/2018. Đoạn 1, thời lượng 4s, nội dung:*"Alo, alo đang làm gì đấy, dậy chưa"*; Đoạn 2, thời lượng 11s, nội dung "*Nhà chị vẫn chưa có mạng, chắc mạng yếu đéo gọi được, mày đang ở đâu đấy?"*.

Đoạn 3, 4 gửi ngày 21/12/2018. Đoạn 3, thời lượng 3s, nội dung "*Cô cứ cho chị vay đi, gần về chị trả em luôn"*; Đoạn 4, thời lượng 4s, nội dung "*Em cứ giúp chị đi, chị sắp về rồi chị gửi em luôn".*

Tại Kết luận giám định số 537 ngày 18/02/2020, Viện kH học hình sự Bộ công an kết luận: Không phát hiện thấy dấu hiệu cắt, ghép, chỉnh sửa nội dung các file ghi âm thanh. Tiếng nói trong 02 đoạn ghi âm 01, 02 đã thu giữ trong điện thoại bà L và tiếng nói của bà Đỗ Thị H là của cùng một người.

Tại Kết luận giám định số 1972 ngày 04/5/2020, Viện kH học hình sự Bộ công an kết luận: Tiếng nói trong 02 đoạn ghi âm 03, 04 đã thu giữ trong điện thoại bà L và tiếng nói của bà Nguyễn Thị Dần là của cùng một người.

Quá trình điều tra, ban đầu Trần Quỳnh Tr khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như đã nêu trên. Tr khai: Do nợ tiền bà Nguyễn Thị Dần nên Tr đã giả làm bà H vay tiền bà L, để lấy tiền trả nợ bà Dần; Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của anh T và thẻ tiết kiệm của bà H để trong két của gia đình, Tr đã tự ý lấy không nói cho ai biết; bà H và anh T không biết việc vay mượn giữa Tr và bà L. Sau đó, Tr thay đổi lời khai, Tr chỉ nhận sang nhà bà L trực tiếp vay tiền; Tr không sử dụng tài khoản "H Do" để nhắn tin Messenger cho bà L, không nhờ bà Dần nói để ghi âm để gửi cho bà L giả là bà H để lừa vay tiền bà L; Nick Facebook có tên là "Trân Tràng" là của Tr đã lập và sử dụng 10 năm nay, Tr không dùng Nick Facebook có tên là "Trân Tràng" nhắn tin cho bà L; 02 giấy biên nhận tiền là do bà L hướng dẫn Tr viết khi nhận tiền. Các nội dung khác Tr đều từ chối trả lời và không đưa ra L do thay đổi lời khai. Cơ quan điều tra đã tiến hành cho bị can Tr đối chất với bà Dần thì Tr thừa nhận có nhờ bà Dần nói để ghi âm nhưng không nhớ nội dung gì.

Riêng đối với khoản vay 400.000.000 đồng theo Giấy biên nhận ngày 05/12/2018, Cơ quan tiến hành tố tụng cấp sơ thẩm xác định: Khoản vay có tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên bà Nguyễn Thị Thành (Nguyễn Văn T – chồng Tr nhận chuyển nhượng ngày 07/01/2016), là tài sản phát sinh trong hôn nhân của anh Nguyễn Văn T và Trần Quỳnh Tr nên là tài sản chung của vợ chồng. Mặc dù, anh T không biết Tr mang đi cầm cố, nhưng Tr cũng là đồng sở hữu nên có quyền quyết định ½ tài sản này. Do đó, việc Tr sử dụng Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất để thế chấp

vay tiền bà L ngày 05/12/2018 là quan hệ dân sự. Như vậy, số tiền bị can Tr đã dùng thủ đoạn gian dối để chiếm đoạt của bà L là 1.050.000.000 đồng, đã trả cho bà L 66.000.000 đồng, còn lại 984.000.000 đồng.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 129/2020/HSST ngày 08 tháng 10 năm 2020, Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ninh đã quyết định:

1. Tuyên bố bị cáo Trần Quỳnh Tr phạm tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản".

Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 174; điểm n khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáoTrần Quỳnh Tr 12 (mười hai) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị bắt đi thi hành án.

2. Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 48 Bộ luật hình sự; Điều 357; khoản 1 Điều 584; khoản 1 Điều 585; khoản 1 Điều 586; khoản 1 Điều 589 của Bộ luật dân sự;

Buộc bị cáo Trần Quỳnh Tr phải bồi thường cho chị Nguyễn Thị L số tiền 984.000.000 đồng.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định án phí và thông báo quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 18/10/2020, bị cáo Trần Quỳnh Tr có đơn kháng cáo kêu oan, vì cho rằng việc bị cáo vay tiền bà L là giao dịch dân sự, có lập hợp đồng vay, có tài sản thế chấp và có trả lãi.

Ngày 21/10/2020, bị hại là bà Nguyễn Thị L có đơn kháng cáo với nội dung đề nghị xử tăng mức hình phạt đối với bị cáo đồng thời xác định khoản tiền 400.000.000 đồng bị cáo vay ngày 05/12/2018 là khoản bị cáo đã dùng thủ đoạn gian dối để chiếm đoạt, không phải quan hệ dân sự.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo Trần Quỳnh Tr thay đổi nội dung kháng cáo sang xin giảm hình phạt, đồng thời thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như bản án sơ thẩm mô tả; xác định Tòa án cấp sơ thẩm tuyên bố bị cáo phạm tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều 174 Bộ luật hình sự là đúng người, đúng tội và đúng pháp luật. L do bị cáo xin giảm hình phạt là: Bị cáo nhận thức được hành vi phạm tội của mình nên thành khẩn khai báo và rất ăn năn hối cải; hiện tại sức khỏe bị cáo yếu, bị hỏng một mắt, hoàn cảnh gia đình khó khăn, đã ly hôn chồng và phải nuôi hai con nhỏ (các cháu sinh năm 2017 và 2018); sau khi xét xử sơ thẩm bị cáo đã cố gắng khắc phục hậu quả và bồi thường cho bị hại được 200.000.000 đồng (Bị cáo Tr xuất trình tài liệu mới là Giấy biên nhận đề ngày 10/5/2021 có nội dung thể hiện bà Nguyễn Thị L đã nhận số tiền 200.000.000 đồng từ bị cáo Tr).

Bị hại Nguyễn Thị L xác nhận đã nhận số tiền 200.000.000 đồng do bị cáo Tr bồi thường sau khi xét xử sơ thẩm nhưng vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo đề nghị Hội đồng xét xử xử tăng mức hình phạt đối với bị cáo Tr; xác định khoản tiền 400.000.000 đồng bị cáo vay ngày 05/12/2018 là khoản bị cáo đã

dùng thủ đoạn gian dối để chiếm đoạt nên phải xem xét trách nhiệm hình sự của bị cáo về khoản tiền này.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội trình bày quan điểm:

- Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo Trần Quỳnh Tr khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình và xin thay đổi nội dung kháng cáo sang xin giảm hình phạt tù. Lời khai nhận tội của bị cáo phù hợp với tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ nên đủ cơ sở xác định việc Tòa án cấp sơ thẩm xét xử bị cáo về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều 174 Bộ luật Hình sự là đúng pháp luật. Về mức hình phạt, Tòa án cấp sơ thẩm đã đánh giá đúng về tính chất, mức độ, hậu quả hành vi phạm tội, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được áp dụng đối với bị cáo để quyết định xử phạt bị cáo 12 năm tù là phù hợp. Do đó, không có cơ sở chấp nhận kháng cáo của bị hại về việc tăng hình phạt đối với bị cáo.

Tại phiên tòa phúc thẩm có thêm tình tiết mới, bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải và đã bồi thường cho bị hại số tiền 200.000.000 đồng nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm b, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự. Xét điều kiện, hoàn cảnh gia đình bị cáo, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của bị cáo, xử giảm 01 năm tù cho bị cáo.

- Tòa án cấp sơ thẩm quy kết bị cáo về số tiền chiếm đoạt gồm 02 khoản, tổng cộng 1.050.000.000 đồng (khoản vay theo Giấy biên nhận ngày 21/12/2018 và 15/01/2019) là đúng pháp luật. Đối với khoản tiền 400.000.000 đồng theo Giấy biên nhận ngày 05/12/2018, xét thấy đây là khoản tiền vay theo thỏa thuận giữa hai bên, có trả lãi và có thế chấp tài sản chung của vợ chồng bị cáo nên là quan hệ dân sự. Vì vậy không có cơ sở chấp nhận kháng cáo của bà L về vấn đề này. Tuy nhiên, trong khoản vay 400.000.000 đồng nêu trên, bị cáo Tr đã trả cho bà L số tiền 24.000.000 đồng ngay sau khi vay nhưng Tòa án cấp sơ thẩm lại đối trừ số tiền 24.000.000 đồng này vào khoản tiền bị cáo chiếm đoạt (1.050.000.000 đồng) là không chính xác, cần sửa án sơ thẩm.

Luật sư Đào Bá Yên bào chữa cho bị cáo Trần Quỳnh Tr: Bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải và đã bồi thường cho bị hại số tiền 200.000.000 đồng nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm b, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của bị cáo, xử phạt bị cáo với mức hình phạt 8 đến 10 năm tù. Đối với khoản vay 400.000.000 đồng theo Giấy biên nhận ngày 05/12/2018, Tòa án cấp sơ thẩm xác định là quan hệ dân sự là đúng pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bị hại.

Luật sư Nguyễn Văn Thành bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị hại Nguyễn Thị L:

- Tại cấp sơ thẩm, bị cáo quanh co, không thành khẩn khai báo, không có ý thức khắc phục hậu quả; phải chịu tình tiết tăng nặng là phạm tội nhiều lần và chỉ được hưởng duy nhất một tình tiết giảm nhẹ là phụ nữ có thai khi phạm tội.

Do đó, mức hình phạt 12 năm tù (mức khởi điểm của khung hình phạt) đối với bị cáo là nhẹ. Tại cấp phúc thẩm, bị cáo khai nhận tội và bồi thường được một phần nhỏ thiệt hại cho bị hại cũng chỉ nhằm tạo cớ để xin giảm hình phạt chứ chưa ăn năn hối cải. Kháng cáo tăng hình phạt của bị hại là hoàn toàn cơ sở, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận.

- Về khoản tiền 400.000.000 đồng theo Giấy biên nhận ngày 05/12/2018, thực chất hành vi của bị cáo là nằm trong chuỗi hành vi phạm tội, bởi lẽ trước đó bị cáo vay tiền bị hại nhiều lần nhưng không được, sau đó để tạo lòng tin của bà L, bị cáo đã dùng thủ đoạn gian dối trong việc thế chấp tài sản, gian dối với bị hại về ý kiến của bà H, anh T để chiếm đoạt tiền vay. Mặt khác, bị cáo khai tiền bị cáo chiếm đoạt đã dùng trả nợ cho bà Dần, trong khi bà Dần đã có hành vi giả giọng nói của bà H để tạo lòng tin đối với bà L. Như vậy, có dấu hiệu thể hiện bà Dần đồng phạm nên cần truy thu số tiền bị cáo trả cho bà Dần để trả lại cho bà L. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của bị hại.

Sau khi nghe ý kiến tranh tụng của các Luật sư, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội giữ nguyên quan điểm đã trình bày.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra công khai và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Kháng cáo của bị cáo Trần Quỳnh Tr và bị hại Nguyễn Thị L trong thời hạn luật định và hợp lệ nên được xem xét, giải quyết theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Lời khai nhận tội của bị cáo Trần Quỳnh Tr tại phiên tòa phúc thẩm phù hợp với lời khai ban đầu của bị cáo trong quá trình làm việc với Viện kiểm sát và Cơ quan cảnh sát điều tra - Công an thị xã Đ (cụ thể, tại Biên bản lấy lời khai các ngày 26/3/2019, 29/3/2019, 16/4/2019, 11/7/2019, 19/9/2019 và các bản tự khai vào ngày 16/4/2019, 11/7/2019, Tr khai nhận: Để được bà L tin tưởng, đồng ý cho vay tiền, Tr đã dùng các thủ đoạn như lấy Sổ tiết kiệm mang tên bà Đỗ Thị H (mẹ chồng bị cáo) để thế chấp vay tiền khi không có sự đồng ý của bà H; dùng tài khoản messenger của bà Đỗ Thị H, tự ý đăng nhập vào tài khoản H Do mật khẩu là haidang để nhắn tin nói chuyện với bà L; nhờ bà Nguyễn Thị Dần giả giọng bà H nói để ghi âm rồi gửi cho bà L...); phù hợp với nội dung đơn tố cáo và lời khai của bị hại Nguyễn Thị L, của người làm chứng Nguyễn Thị Dần; phù hợp với tài liệu là các giấy biên nhận vay tiền do chính tay Tr viết và lời khai của bà Đỗ Thị H khẳng định không vay tiền, không ủy quyền hoặc cho phép ai sử dụng thẻ tiết kiệm của bà để thế chấp vay tiền, không sử dụng tài khoản H Do để nhắn tin vay tiền bà L; phù hợp với nội dung các kết luận giám định, biên bản kiểm tra và trích xuất dữ liệu trên máy điện thoại của bà Nguyễn Thị L, kết quả kiểm tra tài khoản Facebook trên máy điện thoại của Trần Quỳnh Tr và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ, đủ cơ sở kết luận:

Để tạo lòng tin đối với bà Nguyễn Thị L (trú tại: khu 1, phường Đ, thị xã Đ, tỉnh Quảng Ninh) khi cho vay tiền rồi chiếm đoạt khoản tiền bà L cho vay tổng cộng 1.050.000.000 đồng theo Giấy biên nhận vào các ngày 21/12/2018 và 15/01/2019, Trần Quỳnh Tr đã có hành vi, thủ đoạn gian dối như tự ý sử dụng sổ tiết kiệm của bà Đỗ Thị H để thế chấp vay tiền; sử dụng tài khoản Facebook của bà H để giả làm bà H nhắn tin vay tiền bà L và được bà H ủy quyền nhận tiền của bà L; ghi âm giả giọng nói của bà H với nội dung vay tiền để nhắn tin cho bà L.

Với hành vi nêu trên, các cơ quan tiến hành tố tụng cấp sơ thẩm đã truy tố, xét xử bị cáo Trần Quỳnh Tr về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều 174 của Bộ luật Hình sự năm 2015 là có căn cứ, đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

[3] Đối với bà Nguyễn Thị Dần được Trần Quỳnh Tr nhờ nói theo nội dung hướng dẫn của Tr để Tr ghi âm lại, rồi sau đó Tr sử dụng đoạn ghi âm này nhắn tin nhắn âm thanh cho bà Nguyễn Thị L nhằm tạo lòng tin với bà L khi cho vay tiền, Cơ quan cảnh sát điều tra đã tiến hành xác minh thì bà Dần khai không biết mục đích việc Tr nhờ bà Dần nói theo hướng dẫn để Tr ghi âm; không biết việc Tr sử dụng đoạn âm thanh ghi âm đó để lừa đảo chiếm đoạt tiền vay của bà L. Ngoài ra, không có tài liệu, chứng cứ khác chứng minh giữa Tr và bà Dần đã trao đổi, bàn bạc thống nhất việc ghi âm giọng nói để nhằm mục đích lừa đảo chiếm đoạt tiền vay của bà L. Do đó, Cơ quan cảnh sát điều tra – Công an tỉnh Quảng Ninh xác định không có căn cứ xử L đối với bà Nguyễn Thị Dần là đúng. Việc Luật sư Nguyễn Văn Thành cho rằng bà Dần là đồng phạm của Tr trong vụ án là không có cơ sở chấp nhận.

[4] Đối với khoản vay 400.000.000 đồng tại Giấy biên nhận ngày 05/12/2018, Hội đồng xét xử xét thấy: Khoản vay trên có tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên bà Nguyễn Thị Thành (Nguyễn Văn T – chồng Tr nhận chuyển nhượng ngày 07/01/2016), là tài sản phát sinh trong hôn nhân của anh Nguyễn Văn T và Trần Quỳnh Tr nên là tài sản chung của vợ chồng. Mặc dù, anh T không biết Tr mang Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đi cầm cố, nhưng Tr cũng là đồng sở hữu nên có quyền quyết định ½ khối tài sản này. Do đó, các cơ quan tiến hành tố tụng cấp sơ thẩm xác định việc Tr sử dụng Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất để thế chấp vay tiền bà L ngày 05/12/2018 là quan hệ dân sự là đúng pháp luật.

Để đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của mình đối với khoản tiền cho vay nêu trên, bà Nguyễn Thị L có quyền khởi kiện yêu cầu Tòa án cấp có thẩm quyền giải quyết bằng vụ kiện dân sự khác.

[5] Hành vi phạm tội của bị cáo Trần Quỳnh Tr là nguy hiểm cho xã hội, không chỉ xâm phạm quyền sở hữu tài sản của người khác mà còn thể hiện sự coi thường pháp luật, làm mất trật tự an toàn xã hội. Bản thân bị cáo nhận thức được hành vi của mình là vi phạm pháp luật, nhưng muốn có tiền để trả nợ, bị cáo đã nhiều lần thực hiện hành vi gian dối để chiếm đoạt tài sản của người khác, đây là

tình tiết tặng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự năm 2015. Do đó, đòi hỏi cần áp dụng mức hình phạt nghiêm khắc đối với bị cáo thì mới có tác dụng giáo dục riêng và phòng ngừa chung.

Tuy nhiên, khi quyết định mức hình phạt đối với bị cáo cũng cần xem xét, cân nhắc đến các yếu tố sau: Bị cáo có nhân thân tốt, không có tiền án tiền sự; là phụ nữ có thai khi phạm tội nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm n khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015. Do đó, việc Tòa án cấp sơ thẩm tuyên mức hình phạt 12 năm tù (mức khởi điểm của khung hình phạt) đối với bị cáo là tương xứng với tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội do hành vi phạm tội của bị cáo gây ra, đồng thời cũng thể hiện rõ tính kHn hồng, nhân đạo của pháp luật. Vì vậy, không có cơ sở chấp nhận kháng cáo tăng mức hình phạt đối với bị cáo của người bị hại.

Tại cấp phúc thẩm, bị cáo Tr đã nhận thức được hành vi phạm tội của mình nên thành khẩn khai báo và tỏ rõ thái độ ăn năn hối cải; sau khi xét xử sơ thẩm, bị cáo đã bồi thường được cho bị hại số tiền 200.000.000 đồng. Đây là những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự mới mà bị cáo được hưởng theo quy định tại các điểm b, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015. Hiện tại sức khỏe bị cáo yếu (bị hỏng một mắt), hoàn cảnh kinh tế gia đình khó khăn, đã ly hôn chồng và phải nuôi hai con nhỏ (các cháu sinh năm 2017 và 2018).

Đánh giá toàn diện các tình tiết khách quan trong vụ án, Hội đồng xét xử xét thấy trong vụ án này cần áp dụng nguyên tắc xử L kHn hồng đối với người phạm tội đã ăn năn hối cải, tự nguyện bồi thường thiệt hại và tính nhân đạo của pháp luật trong việc tạo điều kiện, cơ hội cho bị cáo sớm được trở lại với gia đình, xã hội để trở thành công dân tốt. Do đó, có cơ sở chấp nhận kháng cáo của bị cáo và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa về việc giảm một phần hình phạt cho bị cáo.

[6] Về trách nhiệm dân sự:

Ngay sau khi được bà L cho vay số tiền 400.000.000 đồng theo Giấy biên nhận ngày 05/12/2018, Tr đã trả cho bà L tiền lãi vay là 24.000.000 đồng. Việc Tr trả số tiền này được ghi rõ trong Giấy biên nhận và được các bên thừa nhận tại các bản khai có trong hồ sơ và tại phiên tòa. Tuy nhiên, Tòa án cấp sơ thẩm đối trừ số tiền 24.000.000 đồng mà Tr trả bà L trong giao dịch vay 400.000.000 đồng theo Giấy biên nhận ngày 05/12/2018 vào khoản tiền do Tr chiếm đoạt của bà L tại các lần vay vào các ngày 21/12/2018 và 15/01/2019 là không đúng.

Do đó, cần sửa bản án sơ thẩm để xác định lại phần trách nhiệm dân sự của bị cáo như sau: Tổng số tiền bị cáo Tr chiếm đoạt tại các lần vay các ngày 21/12/2018 và 15/01/2019 là 1.050.000.000 đồng (700.000.000 đồng + 350.000.000 đồng), sau khi đối trừ số tiền 42.000.000 đồng mà bị cáo đã trả cho bà L ngày 21/12/2018, còn lại số tiền chưa thanh toán là 1.008.000.000 đồng.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo Tr và bà L xác nhận sau khi xét xử sơ thẩm bị cáo Tr đã trả cho bà L được số tiền 200.000.000 đồng (Theo Giấy biên

nhận đề ngày 10/5/2021). Việc bị cáo Tr thanh toán cho bà L số tiền trên là trên cơ sở tự nguyện và hợp pháp, được ghi nhận.

Như vậy, bị cáo Trần Quỳnh Tr có nghĩa vụ trả cho bà Nguyễn Thị L số tiền là 808.000.000 đồng.

[6] Về án phí: Do kháng cáo được chấp nhận nên bị cáo Trần Quỳnh Tr không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Kháng cáo của bị hại là bà Nguyễn Thị L không được chấp nhận nên bà Nguyễn Thị L phải chịu án phí hình sự phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

[7] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 355, Điều 357, Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản L và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Chấp nhận kháng cáo của bị cáo Trần Quỳnh Tr;

Không chấp nhận kháng cáo của bị hại Nguyễn Thị L.

Sửa Bản án hình sự sơ thẩm số 129/2020/HS-ST ngày 08 tháng 10 năm 2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ninh như sau:

1. Tuyên bố bị cáo Trần Quỳnh Tr phạm tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản".

Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 174; các điểm b, s, n khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 54 Bộ luật Hình sự năm 2015.

Xử phạt bị cáoTrần Quỳnh Tr 11 (mười một) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị bắt đi thi hành án.

2. Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 357; khoản 1 Điều 584; khoản 1 Điều 585; khoản 1 Điều 586; khoản 1 Điều 589 của Bộ luật dân sự 2015.

Buộc bị cáo Trần Quỳnh Tr phải bồi thường cho bà Nguyễn Thị L số tiền 808.000.000 (tám trăm linh tám triệu) đồng.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, 468 của Bộ luật dân sự 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Về án phí: Bị cáo Trần Quỳnh Tr không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Bị hại là bà Nguyễn Thị L phải chịu 200.000 đồng tiền án phí hình sự phúc thẩm, được đối trừ vào số tiền 300.000 đồng đã nộp tại biên lai thu tạm ứng án phí lệ phí Tòa án số 0002294 ngày 25/11/2020 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Quảng Ninh, hoàn lại cho bà L số tiền 100.000 đồng.

4. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

5. Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- VKSND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh Quảng Ninh;
- TAND tỉnh Quảng Ninh;
- Cục THADS tỉnh Quảng Ninh;
- Bị cáo (theo địa chỉ);
- Bị hại (theo địa chỉ);
- Lưu: HSVA; VP; P.HCTP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phùng Hải Hiệp